

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày: 26/4/2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thái Hiệp.

2. Ông Nguyễn Thành Đền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1.

Địa chỉ: Khu đô thị L, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị L, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Hộ kinh doanh Võ Văn M.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chủ hộ kinh doanh Võ Văn M: Ông Võ Văn M, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N trình bày: Ông M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 bắt đầu giao dịch mua bán từ tháng 6 năm 2019. Khi giao dịch chỉ thoả thuận miệng, không làm hợp

đồng mua bán. Theo thoả thuận giữa hai bên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 sẽ bán xi măng cho ông M, giao hàng tại địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình giao dịch có những lúc ông M không đủ tiền thanh toán cho công ty thì công ty sẽ cho ông M mua hàng theo hình thức gói đầu (giao hàng trước, trả tiền sau). Từ khoảng tháng 11/2022, ông M liên tục thanh toán tiền hàng chậm trễ. Đến ngày 19/01/2023, Công ty và ông M có tiến hành đối chiếu công nợ, chốt số tiền nợ là 20.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ ông M vẫn không thanh toán tiền hàng cho công ty mặc dù được nhắc nhở nhiều lần. Đến nay, ông M còn nợ công ty 20.000.000 đồng tiền mua xi măng. Sau khi chốt công nợ, hai bên không thoả thuận về thời hạn thanh toán nợ và cũng không thoả thuận về lãi. Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông M thanh toán nợ nhưng ông M không thanh toán.

Vì vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 yêu cầu ông Võ Văn M thanh toán số tiền mua xi măng còn thiếu là 20.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 19/01/2023 đến ngày 19/10/2023 với mức lãi suất 1,66%/tháng là 2.988.000 đồng. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu ông M phải thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 20/10/2023 cho đến khi kết thúc vụ án.

Ông Võ Văn M là Chủ hộ kinh doanh Võ Văn M trình bày: Ông là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Út Mau (hộ kinh doanh Võ Văn M) có địa chỉ kinh doanh tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Ông và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 bắt đầu giao dịch mua bán từ tháng 6 năm 2019. Khi giao dịch chỉ thoả thuận miệng, không làm hợp đồng mua bán. Theo thoả thuận giữa hai bên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 sẽ bán xi măng cho ông để ông bán lại cho khách hàng, giao hàng tại địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đến ngày 19/01/2023, Công ty và ông có tiến hành đối chiếu công nợ, chốt số tiền nợ là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, do công ty có hứa gán bằng hiệu cho tôi nhưng đến nay chưa gán nên tôi chưa thanh toán hết nợ cho công ty. Tính đến nay, tôi còn nợ công ty 20.000.000 đồng tiền mua xi măng.

Ông thừa nhận Hộ kinh doanh Võ Văn M còn nợ công ty N1 số tiền là 20.000.000 đồng nhưng khi nào công ty lắp bằng hiệu cho cửa hàng của ông thì ông sẽ thanh toán nợ cho công ty. Ông không đồng ý thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của công ty.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N trình bày: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 giao hàng lần cuối cùng cho hộ kinh doanh Võ Văn M là vào ngày 26/11/2022 và ông M có ký chốt nợ là 100.000.000 đồng. Sau đó, vào ngày 01/01/2023, ông M thanh toán được 30.000.000 đồng và đến ngày 19/01/2023, thanh toán thêm 50.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền là 20.000.000 đồng. Công ty có hứa sẽ lắp bằng hiệu cho ông M nhưng hai bên không hề thoả thuận nếu không lắp bằng hiệu thì ông M không cần thanh toán nợ, hai giao dịch này không liên quan đến nhau. Sau khi nghiên cứu quy định pháp luật,

Công ty không tiếp tục yêu cầu hộ kinh doanh Võ Văn M thanh toán lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng. Công ty chỉ yêu cầu hộ kinh doanh Võ Văn M thanh toán số tiền nợ là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 19/01/2023 cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Ông Võ Văn M là chủ hộ kinh doanh Võ Văn M trình bày: hộ kinh doanh Võ Văn M có thiếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 số tiền mua xi măng 20.000.000 đồng nhưng do công ty không lập bảng hiệu như đã hứa nên ông không đồng ý thanh toán nợ cho công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Về tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 đối với hộ kinh doanh Võ Văn M. Buộc hộ kinh doanh Võ Văn M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 số tiền mua xi măng là 20.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 19/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 26/4/2024 với mức lãi suất là 14,25%/năm (1,1875%/tháng). Kể từ ngày 27/4/2024, Hộ kinh doanh Võ Văn M còn phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi thanh toán hết nợ. Về án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch là 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bị đơn ông Võ Văn M thanh toán tiền mua xi măng còn thiếu. Theo ông M xác định việc ông mua xi măng từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 là để bán lại kiếm lời. Đồng thời, ông M là chủ Hộ kinh doanh Võ Văn M theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 60C8003645 đăng ký lần đầu ngày 20/9/2016 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện H cấp. Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng xác định nguyên đơn yêu cầu hộ kinh doanh Võ Văn M thanh toán nợ. Vì vậy, cần xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, bị đơn trong vụ án là Hộ kinh doanh Võ Văn M.

[1.2] Ngày 07 tháng 12 năm 2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá đối với Hộ kinh doanh Võ Văn M. Khi khởi kiện địa điểm kinh doanh của Hộ kinh doanh Võ Văn M là tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ

lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 yêu cầu hộ kinh doanh Võ Văn M thanh toán số tiền mua xi măng còn thiếu là 20.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 19/01/2023 với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều xác định giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 và ông Võ Văn M – Chủ hộ kinh doanh Võ Văn M bắt đầu giao dịch mua bán hàng hoá, cụ thể là mua bán xi măng từ tháng 6 năm 2019. Khi giao dịch hai bên chỉ thoả thuận miệng, không làm hợp đồng mua bán. Theo thoả thuận giữa hai bên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 sẽ cung cấp xi măng cho hộ kinh doanh Võ Văn M để bán lại cho khách hàng, địa điểm giao hàng là tại địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Hai bên đã giao dịch mua bán nhiều lần. Đến ngày 19/01/2023, có tiến hành đối chiếu công nợ, chốt số tiền nợ là 20.000.000 đồng. Như vậy, việc mua bán hàng hoá giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 và hộ kinh doanh Võ Văn M là có xảy ra trên thực tế. Đồng thời, cả hai bên đều thừa nhận tính đến nay hộ kinh doanh Võ Văn M còn nợ lại tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 với số tiền là 20.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông M xác định phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 có hứa gắn cho cửa hàng của ông 0 bảng hiệu nhưng đến nay chưa gắn nên ông chưa thanh toán tiền hàng cho công ty. Tuy nhiên, việc công ty hứa gắn bảng hiệu cho hộ kinh doanh Võ Văn M không liên quan gì đến việc thanh toán tiền hàng. Hai bên cũng không hề thoả thuận việc nếu không gắn bảng hiệu thì hộ kinh doanh Võ Văn M không phải thanh toán tiền hàng. Do đó, việc hộ kinh doanh Võ Văn M chậm thanh toán tiền hàng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 là không có cơ sở.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 về việc yêu cầu hộ kinh doanh Võ Văn M thanh toán cho công ty số tiền hàng chưa thanh toán là 20.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: Do nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận về thời hạn thanh toán và mức lãi suất khi chậm thanh toán nên cần áp dụng Điều 55 Luật Thương mại về thời hạn thanh toán hàng là vào thời điểm bên bán giao hàng. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định hai bên có chốt công nợ vào ngày 19/01/2023 và nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 19/01/2023 là có cơ sở. Đối với mức lãi suất chậm thanh toán, phía nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất theo quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại thì “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi*

trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Đồng thời, tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần N2, Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N3,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Theo các văn bản trả lời của Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh tỉnh B, Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B và Ngân hàng N3 – Chi nhánh B thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình do ba ngân hàng cung cấp là 14,25%/năm tương đương 1,1875%/tháng. Như vậy, số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 20.000.000 đồng x 1,1875%/tháng x 15 tháng 7 ngày = 3.617.917 đồng.

[2.3] Kể từ ngày 27/4/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 306 Luật Thương mại.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 được chấp nhận nên hộ kinh doanh Võ Văn M phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch là 3.000.000 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 không phải chịu án phí và đã nộp tạm ứng án phí 575.000 đồng theo biên lai số 0007413 ngày 13/12/2023 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1.4 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 đối với hộ kinh doanh Võ Văn M về việc yêu cầu thanh toán số tiền mua hàng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 3.617.917 đồng (ba triệu sáu trăm mười bảy nghìn chín trăm mười bảy đồng).

2. Buộc hộ kinh doanh Võ Văn M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 số tiền mua hàng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 3.617.917 đồng (ba triệu sáu trăm mười bảy nghìn chín trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày 27/4/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Hộ kinh doanh Võ Văn M phải chịu số tiền án phí là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 đã nộp tạm ứng án phí 575.000 đồng theo biên lai số 0007413 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu